

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO
TÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH MÃ SỐ: 7340101
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

Kính gửi:

- Ban giám hiệu;
- Hội đồng khoa học và đào tạo.

1. Giới thiệu khái quát về Trường:

Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) được thành lập năm 1967, tiền thân là trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ may mặc thuộc Bộ Nội thương và được nâng cấp thành trường đại học vào năm 2015.

Mục tiêu chính của Trường: Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện học tập suốt đời cho người học, trong lĩnh vực công nghiệp, đặc biệt là Dệt May; Đổi mới đào tạo theo nhu cầu xã hội, tăng cường gắn kết giữa đào tạo với sử dụng lao động, gắn đào tạo với thực tế sản xuất, công nghệ; Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ mang tính ứng dụng cao cho ngành dệt may và các ngành kinh tế khác; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm tạo cơ hội cho giảng viên, sinh viên được tiếp cận với các chuẩn mực của thế giới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học; Tổ chức sản xuất theo chuẩn quốc tế, tạo môi trường nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, thực tập chuyên nghiệp cho người học; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất phục vụ cộng đồng; hiện đại hóa cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học theo định hướng ứng dụng.

Trường luôn chú trọng đến đào tạo đội ngũ giảng viên và xây dựng cơ sở vật chất nhằm thực hiện tốt mục tiêu đào tạo theo định hướng ứng dụng. 100% giảng viên cơ hữu có trình độ sau đại học. Phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thực tập, phòng thư viện, nhà thể chất đa năng, giảng đường lớn, phòng tin học, phòng học ngoại ngữ,... được trang bị hiện đại, đầy đủ tiện nghi đáp ứng yêu cầu và quy mô đào tạo. Hiện tại, Trường đã và đang thực hiện đào tạo 09 ngành ở trình độ đại học gồm: Công nghệ may; Công nghệ sợi, dệt; Quản lý công nghiệp; Thiết kế thời trang; Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Marketing; Kế toán; Thương mại điện tử. Trường có tổng số gần 5000 sinh viên hiện đang theo học ở cả hai trình độ Đại học và Cao đẳng.

Trường tuyển sinh trình độ đại học từ năm 2016, đến nay trường đã và đang đào tạo 8 khóa sinh viên trình độ đại học với tổng số 3402 sinh viên đang học.

Tính đến năm 2023, Trường đã có 4 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học

Ngành Năm	Công nghệ may	Thiết kế thời trang	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Công nghệ sợi dệt	Quản lý công nghiệp	Marketing	Tổng
2020	291				42	75		408
2021	636	51	8		5	39		739
2022	737	69	17	11	11	57	14	916
2023	697	77	17	14	5	70	12	892
Tổng	2361	197	42	25	63	241	26	2955

Bảng 2. Kết quả tốt nghiệp của sinh viên trình độ đại học

Năm	Giỏi		Khá		Trung bình khá		Trung bình	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2020	5	1.2%	189	46.3%	211	51.7%	3	0.7%
2021	2	0.3%	274	37.1%	449	60.8%	14	1.9%
2022	7	0.8%	309	33.7%	587	64.1%	13	1.4%
2023	5	0.6%	281	31.5%	583	65.4%	23	2.6%
Tổng	19	0.6%	1053	35.6%	1830	61.9%	53	1.8%

Với định hướng đào tạo ứng dụng, việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) gắn liền với thực tiễn phục vụ công tác giảng dạy, giải quyết các nhu cầu của doanh nghiệp dệt may luôn là mục tiêu trọng điểm mà Trường đã, đang và sẽ tiếp tục nỗ lực để thực hiện. Trong giai đoạn 2019-2023 vừa qua, hoạt động KH&CN của Trường đã đạt được một số thành tựu như hoàn thành 02 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia với kết quả được chuyển giao cho các đơn vị, tổ chức bao gồm trường đào tạo, viện nghiên cứu và doanh nghiệp dệt may; 04 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ Công Thương; 07 đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) cấp Tập đoàn Dệt May Việt Nam; 57 đề tài NCKH cấp Trường. Thêm vào đó, Nhà trường đã đầu thầu thành công 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, 01 đề án Công nghiệp hỗ trợ, Bộ Công Thương thực hiện từ năm 2024; tiếp tục triển khai nghiên cứu 01 đề tài NCKH cấp Bộ Công Thương giao thực hiện từ năm 2023 và 01 đề tài NCKH cấp Tập đoàn Dệt May Việt Nam giao thực hiện từ năm 2022. Ngoài việc thực hiện các đề tài, nhiệm vụ KH&CN, cán bộ giảng viên của Trường đã công bố 203 công trình khoa học trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong và ngoài nước trong đó có 22 bài báo được công bố trên tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI/Scopus, 15 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế và

10 công bố tại các hội thảo quốc tế. Không những vậy, Trường đã biên soạn và xuất bản 20 cuốn giáo trình phục vụ học tập; viết 15 sáng kiến kinh nghiệm; tổ chức thành công 01 hội thảo khoa học quốc tế, 06 hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia và 30 hội thảo cấp trường/đơn vị để trao đổi và chia sẻ các chủ đề chuyên môn; chú trọng đẩy mạnh hoạt động hướng dẫn sinh viên NCKH, với gần 100 đề tài và các dự án khởi nghiệp sinh viên; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và các đối tác trong và ngoài nước về tăng cường chất lượng hoạt động NCKH.

Trong những năm gần đây, Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội (HTU) cũng đã chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc tế nói riêng và hoạt động đối ngoại nói chung; tăng cường đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học với các đối tác trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng đào tạo cũng như uy tín của Nhà trường. Trong giai đoạn 2019-2023, Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với 10 đối tác quốc tế và triển khai thành công nhiều nội dung hợp tác. Hợp tác với Viện quản lý khoa học quốc tế Kolkata - Ấn Độ tổ chức thành công Hội thảo khoa học quốc tế IIMS lần thứ 9 tại Trường, lần thứ 10 tại Lào, lần thứ 11 tại Srilanka. Hợp tác với trường Khoa học Kỹ thuật Song Hi Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc trong việc cử sinh viên sang học tập tại Trung Quốc, hợp tác trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, Quốc Gia và trao tặng các thiết bị lắp đặt phòng học thông minh tại Trường. Hợp tác với Trường Đào tạo các ngành Công nghiệp Thủy Sản thực hiện thành công 03 đợt trao đổi giảng viên sang thực tế tại trung tâm Sản xuất – Dịch vụ và trao đổi kiến thức tại Trường. Hợp tác với Tập đoàn Rieter của Thụy Sĩ trong đào tạo và trao tặng Nhà trường máy sợi phục vụ học tập. Nhà trường đã cử 04 sinh viên đại học ngành Công nghệ may tham gia chương trình Internship tại Nhật Bản.

Nhà trường có tổng diện tích gần 6 ha, được chia thành 3 khu A, B và C với đầy đủ Hội trường, giảng đường, thư viện và các công trình phụ trợ phục vụ công tác đào tạo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các học phần trong các chương trình đào tạo (CTĐT) nói chung và CTĐT ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) nói riêng. Cụ thể: 1 hội trường 500 chỗ; 01 phòng hội thảo 200 chỗ; 07 phòng học lớn; 101 phòng học lý thuyết; 122 phòng thực hành, thí nghiệm.

Hệ thống thư viện của trường có diện tích 775m², trong đó bao gồm: 04 phòng đọc; 02 phòng thư viện điện tử với 111 máy tính tại thư viện điện tử kết nối với 87 đơn vị ngoài trường, phục vụ cho khoảng 32.000 lượt tra cứu bình quân hàng tháng. Thư viện có các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn và tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, đề cương bài giảng của các học phần; có tạp chí, chuyên khảo trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

2.1. Phù hợp với nhu cầu xã hội

Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết số 29-NQ/TW (ngày 17/11/2022) về “Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Một trong những giải pháp được đưa ra để tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Đây là một định hướng quan trọng, đúng đắn nhằm tháo gỡ một trong những điểm nghẽn quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay, do đó việc mở ngành và đào tạo nhân lực Quản trị kinh doanh trình độ đại học phục vụ các giải pháp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một hướng đi phù hợp với định hướng của Đảng và nhu cầu xã hội.

Chính phủ ban hành Nghị quyết 90/NQ-CP ngày 16/6/2023 Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó phân đầu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước bình quân đạt khoảng 7,0%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Đến năm 2030, GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD. Tỷ trọng trong GDP của khu vực dịch vụ đạt trên 50%, khu vực công nghiệp - xây dựng trên 40%, khu vực nông, lâm, thủy sản dưới 10%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt trên 50%. Phát huy lợi thế của từng vùng kinh tế - xã hội; tập trung phát triển 2 vùng động lực phía Bắc và phía Nam gắn với 2 cực tăng trưởng là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có tốc độ tăng trưởng cao, đóng góp lớn vào phát triển chung của đất nước. Trong giai đoạn 2020 đến 2025, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tập trung vào xây dựng các trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ công nghệ cao; ngân hàng, tài chính; y tế chuyên sâu; công nghiệp phụ trợ. Với quy mô hơn 900.000 doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, dự báo nhu cầu sử dụng nhân lực quản trị kinh doanh của Việt Nam những năm tới lên tới 2,2 triệu người. Do đó, Quản trị kinh doanh luôn là một trong những lĩnh vực có nhu cầu nhân lực hàng đầu. Trước yêu cầu đổi mới, nhân lực quản trị kinh doanh cần phải có nhiều kỹ năng làm việc toàn cầu như quản trị chiến lược trong môi trường cạnh tranh quốc tế với sự trợ giúp của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích tình huống quản trị kinh doanh bằng dữ liệu lớn, điều hành dây chuyền sản xuất được số hóa hay quản trị doanh nghiệp theo mô hình doanh nghiệp thông minh.

Nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành quản trị kinh doanh hiện nay luôn đứng

đầu bảng tuyển dụng trên các website tìm kiếm việc làm như Glints, TopCV, v.v... Theo báo cáo Thị trường việc làm và thị hiếu người dùng của Glints, nhu cầu sẵn đón ứng viên thuộc nhóm ngành kinh doanh, marketing ghi nhận xu hướng tăng khoảng 20%. Điều này cho thấy cơ hội việc làm của sinh viên ngành quản trị kinh doanh là rất lớn. Theo báo cáo thị trường tuyển dụng của trang TopCV, gần 42% doanh nghiệp phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt nhân sự. Nhóm doanh nghiệp có quy mô từ 300 – 500 nhân sự có tỷ lệ thiếu hụt lên đến 54,8%. Kinh doanh là lĩnh vực thứ 2 trong top 10 lĩnh vực có tỷ lệ thiếu hụt nhân sự cao nhất.

Trước nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh, HTU chủ trương mở ngành QTKD trình độ đại học. Ngành học này đóng góp cho xã hội lực lượng lao động chất lượng cao có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hiện tại và tương lai.

2.2. Phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường

HTU đóng góp vào sự phát triển của ngành dệt may Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển NCKH, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng yêu cầu của xã hội theo chuẩn quốc tế. HTU coi trọng chất lượng đào tạo, coi trọng tinh thần khai phóng, tính năng động, sáng tạo, trung thực, tinh thần trách nhiệm, khả năng sống và làm việc trong môi trường hội nhập. Sứ mạng của Trường được khẳng định trong Chiến lược phát triển đến năm 2030 với mục tiêu chung là: Phát triển HTU thành trường Đại học theo định hướng ứng dụng, đa ngành nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên nghiệp trong môi trường toàn cầu. Nhà trường tập trung xây dựng một số ngành, chuyên ngành mũi nhọn; mở rộng, phát triển và khẳng định vị thế là một Trường Đại học trọng điểm theo định hướng ứng dụng. QTKD là một trong những ngành thuộc chiến lược phát triển dài hạn của Trường và nhận được sự quan tâm từ phía doanh nghiệp. Đây cũng là ngành nghề đem lại thu nhập tiềm năng hấp dẫn, phát triển nghề nghiệp và cơ hội khởi nghiệp cao. QTKD bao gồm các môn học trang bị nền tảng kiến thức và kỹ năng nhằm phát triển năng lực để có thể vận hành và phát triển hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp. HTU với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực công nghiệp đã nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc đào tạo cử nhân quản trị kinh doanh trình độ đại học đáp ứng các yêu cầu trên cho nền kinh tế.

Sự phù hợp trong việc mở ngành QTKD đối với chiến lược phát triển của HTU được thể hiện qua những nội dung sau:

- HTU mở ngành QTKD với định hướng ứng dụng cao, tích hợp với các ngành đào tạo khác; thể hiện sự kết nối và phối hợp đào tạo giữa HTU với các đơn vị, công ty, doanh nghiệp nhằm cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị và kinh doanh để đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế -

xã hội.

- Ngành QTKD được xây dựng và phụ trách đào tạo bởi đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy, đào tạo, trình độ chuyên môn cao và đã từng có kinh nghiệm quản lý các mảng hoạt động tại doanh nghiệp. Do đó, CTĐT cập nhật có chất lượng, phù hợp với chiến lược phát triển và năng lực của HTU.

- HTU có yêu cầu cao về tính thực tiễn và ứng dụng. Đây được xem như là một thế mạnh của HTU trong vai trò cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu của nhà tuyển dụng trong và ngoài nước với mô hình doanh nghiệp trong trường. Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, người học sẽ được chú trọng đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ và một số học phần cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Như vậy, ngoài việc được trang bị kiến thức chuyên môn, sinh viên có trình độ ngoại ngữ và tin học, giúp tăng cơ hội việc làm, khả năng giao tiếp, làm việc trong môi trường quốc tế.

- Môi trường học tập của HTU có tính ứng dụng và luôn nhất quán với phương châm phát triển trường học tư duy, người học năng động, sáng tạo và hội nhập. Triết lý đào tạo của HTU luôn khẳng định được các tiêu chí: chất lượng, sáng tạo, năng động và hội nhập. Những tiêu chí này hoàn toàn phù hợp để đào tạo những chuyên gia với nhiều tố chất cá nhân nổi bật phù hợp với công cuộc hội nhập quốc tế và quản lý phát triển kinh doanh như ngành QTKD. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu nền kinh tế thế giới, việc xây dựng CTĐT đại học ngành QTKD là một bước quan trọng để HTU đóng góp cho xã hội lực lượng cử nhân chất lượng cao có đủ kiến thức, kỹ năng và đạo đức đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội.

2.3. Sự phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia

Thành phố Hà Nội và khu vực lân cận là một vùng kinh tế trọng điểm chú trọng phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; là đầu tàu tạo động lực với sức hút và sự lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, giữ vị trí quan trọng đối với sự phát triển chung của Việt Nam. Do đó việc xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu cần thiết, khách quan trong việc xây dựng và phát triển vùng. Vì thế, Nghị quyết của Trung ương về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng (Nghị quyết 30-NQ/TW, 23/11/2022) chỉ rõ giải pháp nâng cao nguồn nhân lực, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, xã hội hóa và tự chủ đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới, chú trọng các CTĐT cử nhân tài năng, chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và các CTĐT quốc tế. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu lao động và thị trường lao động. Thực tế, nguồn nhân lực của Việt Nam, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao thiếu hụt về số lượng, hạn chế về chất lượng và bất cập về cơ cấu dù Việt Nam

đang ở trong thời kỳ cơ cấu “dân số vàng”, thời kỳ mà dân số trong độ tuổi lao động cao nhất. Đặc biệt, định hướng phấn đấu trở thành quốc gia khởi nghiệp cho nên nhu cầu nhân lực chất lượng cao ngành QTKD là rất lớn. Ngành QTKD cũng có vị trí trọng yếu trong môi trường kinh doanh của Việt Nam có vai trò là công cụ hỗ trợ quan trọng trong hoạt động kinh doanh dẫn dắt và đảm bảo cho xã hội một môi trường kinh doanh công bằng và minh bạch. Đây là điều kiện góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững và môi trường thuận lợi trong hợp tác kinh tế quốc tế. Quá trình hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp các nước đang hợp tác và cạnh tranh vô cùng đa dạng với nhiều hình thức hoạt động kinh doanh khác nhau. Cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực này đang mở ra tiềm năng to lớn cho ứng viên. Chính vì vậy, đào tạo nhân lực QTKD là một nhu cầu rất cấp thiết hiện nay. Nhận thức được vấn đề này, HTU mở ngành đào tạo QTKD trình độ đại học.

2.4. Nhu cầu nhân lực ngành QTKD là rất lớn.

Để bổ sung cơ sở cho việc xác định nhu cầu mở ngành đào tạo QTKD tại HTU, khoa Kinh tế đã tiến hành gửi phiếu khảo sát các đối tượng liên quan khác nhau: giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp, cựu sinh viên và học sinh THPT,... Các nội dung khảo sát tập trung vào xác định nhu cầu tuyển dụng nhân lực được đào tạo về ngành QTKD từ các doanh nghiệp, các kiến thức, kỹ năng cần thiết để đáp ứng các vị trí việc làm tại doanh nghiệp, định hướng nghề nghiệp cũng như hiểu biết và nhu cầu theo học ngành QTKD.

- Mục tiêu khảo sát: Nhận biết thực trạng về nguồn nhân lực QTKD tại các đơn vị được khảo sát, nhu cầu tuyển dụng đối với lao động trình độ cử nhân QTKD, đánh giá sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo QTKD.

- Đối tượng khảo sát: Đại diện các đơn vị sử dụng lao động thuộc các Bộ, ngành và địa phương, các thành phần kinh tế; các chuyên gia; cựu sinh viên đã theo học ngành này tại các trường Đại học; các giảng viên khoa kinh tế; học sinh các trường THPT.

- Phương pháp khảo sát: Phiếu khảo sát được thiết kế với nội dung các câu hỏi phù hợp với mục đích khảo sát của từng đối tượng. Phiếu khảo sát sau khi được gửi đến các đối tượng khảo sát sẽ được thu về và kiểm tra tính hợp lệ sau đó tiến hành tổng hợp, phân tích thông tin thu được.

- Hình thức khảo sát: Khảo sát bằng hình thức phát phiếu trực tiếp, gửi email, gọi điện thoại, khảo sát online qua Google form.

- Số lượng phiếu khảo sát: số phiếu phát cho doanh nghiệp là 25 phiếu, thu về 22 phiếu, đạt 88%; số phiếu phát ra cho chuyên gia 15 phiếu, thu về 13 phiếu đạt 87%; số phiếu phát ra cho giảng viên trường là 25 phiếu, thu về 25 phiếu đạt 100%; số phiếu phát ra cho cựu sinh viên là 50 phiếu thu về 50 phiếu đạt 100%; số phiếu phát ra cho học sinh THPT là 90 phiếu thu về 80 phiếu đạt 89%.

- Kết quả khảo sát chung:

+ Kết quả khảo sát đối với doanh nghiệp trong các phiếu trả lời câu hỏi cho có 100% ý kiến đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng tốt cho ngành QTKD và 100% ý kiến đồng ý với kế hoạch mở ngành QTKD trình độ đại học của HTU.

+ Kết quả khảo sát với các chuyên gia là các cán bộ quản lý tại doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các giảng viên của HTU cho thấy 100% ý kiến đồng ý với quan điểm cần bổ sung nguồn nhân lực chất lượng tốt cho ngành QTKD cũng như 100% ý kiến đều đồng ý kế hoạch mở ngành QTKD trình độ đại học của HTU.

- Kết quả khảo sát trong các doanh nghiệp

+ Mục tiêu khảo sát: thu thập, khảo sát về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực ngành QTKD tại các DN, đánh giá chất lượng đối với nguồn nhân lực ngành QTKD tại DN và Khảo sát về kế hoạch mở ngành đào tạo QTKD trình độ Đại học tại HTU.

+ Kết quả khảo sát: 100% doanh nghiệp trả lời đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành QTKD. Có 22 ý kiến (chiếm tỷ lệ 100%) đồng ý và hoàn toàn đồng ý với kế hoạch mở ngành QTKD trình độ đại học theo hướng ứng dụng của HTU và có 22 ý kiến (chiếm tỷ lệ 100%) đồng ý với quan điểm doanh nghiệp đang có nhu cầu tuyển dụng nhân lực ngành QTKD cho các vị trí nhân viên kinh doanh, nhân sự, hành chính tổng hợp, chuyên viên dự án,

- Kết quả khảo sát đối với các chuyên gia:

+ Mục tiêu khảo sát: đánh giá chất lượng nguồn nhân lực ngành QTKD và kế hoạch mở ngành đào tạo QTKD trình độ Đại học tại HTU.

+ Kết quả khảo sát: 100% các chuyên gia được khảo sát đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành; 77% Phiếu khảo sát hoàn toàn đồng ý và 23% Phiếu khảo sát đồng ý kế hoạch mở ngành đào tạo QTKD trình độ Đại học của HTU.

- Kết quả khảo sát đối với giảng viên: 100% giảng viên trả lời đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực chất lượng tốt cho ngành QTKD; 100% Phiếu khảo sát thu về đồng ý kế hoạch mở ngành QTKD trình độ đại học theo hướng ứng dụng của HTU.

- Kết quả khảo sát đối với cựu sinh viên

+ Mục tiêu khảo sát: Việc khảo sát cựu sinh viên của HTU nhằm đánh giá chất lượng đào tạo nhân lực QTKD và sự cần thiết phát triển chương trình đào tạo QTKD trình độ đại học trong thời gian tới.

+ Số phiếu khảo sát phát ra: có 100% cựu sinh viên cao đẳng QTKD đồng ý với quan điểm cần bổ sung thêm nhân lực cho ngành QTKD; 100% Phiếu khảo

sát đồng ý kế hoạch mở ngành QTKD trình độ đại học theo hướng ứng dụng của Nhà trường. Ngoài ra, kết quả khảo sát còn cho thấy 74% ý kiến đồng ý với quan điểm các trường đại học cần tăng cường thời gian đào tạo thực hành, đào tạo gắn thực tiễn, để nguồn nhân lực ngành QTKD khi ra trường làm việc được ngay tránh để doanh nghiệp phải đào tạo lại là việc làm rất cần thiết và 26% ý kiến cho là cần thiết.

Từ các lý do trên, Khoa Kinh tế đề nghị cho phép mở ngành đào tạo QTKD trình độ đại học tại HTU.

3. Chương trình đào tạo ngành QTKD

3.1. Tóm tắt quá trình xây dựng CTĐT ngành QTKD

CTĐT ngành QTKD trình độ đại học được xây dựng theo đúng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình xây dựng CTĐT ngành QTKD tuân thủ quy định mở ngành và xây dựng CTĐT hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường, được thực hiện theo các bước:

- Nghiên cứu nhu cầu thị trường nguồn nhân lực QTKD, nghiên cứu vị trí việc làm, từ đó đề xuất mở ngành QTKD.

- Thiết kế cấu trúc CTĐT bao gồm các yêu cầu về khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khoa học cơ bản; khối kiến thức về cơ sở ngành và cốt lõi ngành; khối kiến thức thực tập và trải nghiệm; khối kiến thức về nghiên cứu khoa học;

- Tổ chức thẩm định CTĐT các cấp nhằm hoàn thiện chương trình và cập nhật các yêu cầu sự phát triển ngành QTKD trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, đáp ứng công nghệ 4.0.

Qua quá trình xây dựng CTĐT, bộ môn QTKD - khoa Kinh tế của Trường mong muốn đưa ra một CTĐT theo định hướng ứng dụng, chất lượng cao và linh hoạt, giúp sinh viên có thể tiếp cận được với những kiến thức và kỹ năng mới nhất của ngành QTKD và đáp ứng được nhu cầu của thị trường hiện nay.

Đồng thời, song song với việc xây dựng CTĐT, khoa cũng phối hợp với các đơn vị liên quan trong Trường chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng viên chủ trì ngành và thực hiện CTĐT; chuẩn bị cơ sở vật chất đáp ứng các điều kiện tổ chức thực hiện chương trình.

3.2. Một số thông tin chính về chương trình và kế hoạch đào tạo

** Về mục tiêu của chương trình đào tạo QTKD trình độ đại học:*

Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân đại học ngành QTKD theo định hướng ứng dụng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, có khả năng vận dụng hiệu quả các kiến thức, kỹ năng quản trị trong lĩnh vực kinh doanh, có kỹ năng khởi nghiệp và ra quyết định quản trị phù hợp với những biến động thị trường và hội nhập quốc tế, có tư duy nghiên cứu độc lập và năng lực nghiên cứu, tự bổ sung kiến

thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

* Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

PO1. Hệ thống được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật hiện hành; nắm vững các nguyên lý, quy luật kinh tế - xã hội, hiểu biết về doanh nghiệp, nền kinh tế, môi trường hoạt động, hệ thống quản lý; vận dụng được các kiến thức chuyên sâu cần thiết về quản trị các hoạt động và nguồn lực của doanh nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam và môi trường toàn cầu hóa; ứng dụng kiến thức về quản trị các lĩnh vực hoạt động để triển khai thực hiện nghiệp vụ và phát triển doanh nghiệp.

- Về kỹ năng

PO2. Giải quyết được một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn quản trị các hoạt động và lĩnh vực của doanh nghiệp gắn với hướng chuyên ngành lựa chọn; tổ chức vận hành, kiểm soát và điều hành có hiệu quả một số lĩnh vực của doanh nghiệp;

PO3. Thực hiện lập kế hoạch, tổ chức, kiểm soát và giải quyết công việc chuyên môn phức tạp trong doanh nghiệp/tổ chức; có kỹ năng mềm; kỹ năng khởi nghiệp; kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tự học, xây dựng và phát triển quan hệ cộng đồng; có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào trong quản lý và học tập suốt đời;

PO4. Đạt chuẩn kỹ năng tin học, công nghệ thông tin và tiếng Anh trong hoạt động quản lý và kinh doanh; có kỹ năng tư duy (tư duy hệ thống, logic, phản biện, sáng tạo), thích ứng với sự thay đổi và quản trị sự thay đổi và kỹ năng thích ứng linh hoạt trong môi trường đa văn hóa.

- Về thái độ

PO5. Luôn phát huy tinh thần và ý thức làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện môi trường thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm, tận tâm, cởi mở, hòa đồng, chuyên nghiệp và kiểm soát cảm xúc; trau dồi tinh thần doanh nhân, đạo đức nghề nghiệp, học tập suốt đời để nâng cao trình độ;

PO6. Ý thức tự chủ trong việc lập kế hoạch quản lý nguồn lực, phân bổ và đánh giá cải thiện hiệu quả hoạt động với tinh thần cải tiến liên tục; giám sát thực hiện nhiệm vụ, đưa ra các kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân.

* Về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành QTKD:

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng
2.1. Kiến thức		
PLO1	Vận dụng được những nguyên lý, kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà	3

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng
	nước vào nghề nghiệp và cuộc sống. Khái quát những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Việt Nam trong điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước và có sức khoẻ tốt để học tập, làm việc suốt đời.	
PLO2	Vận dụng được những kiến thức cơ bản về tin học, ngoại ngữ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn để ứng dụng nghiên cứu, giải quyết một số vấn đề của tổ chức/doanh nghiệp.	3
PLO3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế, pháp luật trong kinh tế, phương pháp thu thập thông tin, phân tích và tổng hợp dữ liệu thống kê làm nền tảng nghiên cứu chuyên sâu và giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý.	3
PLO4	Vận dụng được những kiến thức nền tảng về chiến lược, kế toán, tài chính, marketing, sản xuất và tác nghiệp, khởi sự kinh doanh, bán hàng... làm cơ sở lý luận và thực tiễn của quản trị kinh doanh.	3
PLO5	Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh để khởi sự kinh doanh, điều hành, quản trị tốt một số lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.	3
PLO6	Phân tích, đánh giá và vận dụng kiến thức thực tế, thực tập về các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng về nghề nghiệp. Vận dụng các kiến thức đã được trang bị để phân tích, đánh giá và tổng hợp một vấn đề nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, hoàn thành được một đề tài nghiên cứu mang tính thực tiễn.	3
2.2. Kỹ năng		
Kỹ năng chuyên môn		
PLO7	Hoạch định và triển khai chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
PLO8	Tổ chức điều hành một số hoạt động chức năng cụ thể của doanh nghiệp như sản xuất, nhân lực, tài chính, marketing, bán hàng,...	4
PLO9	Thu thập, xử lý và phân tích được thông tin môi trường kinh doanh và thị trường để phát hiện đánh giá và lựa chọn cơ hội đầu tư; quản trị được sự thay đổi và giải quyết được một số vấn đề phát sinh trong quản trị doanh nghiệp.	3
PLO10	Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp xã hội và công việc chuyên môn quản trị kinh doanh. Đạt năng lực tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định nội bộ của Trường.	3
PLO11	Đảm bảo đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.	3
Kỹ năng mềm		
PLO12	Tự tin giao tiếp, thuyết trình, thuyết phục và có khả năng thiết lập mối quan hệ, làm việc nhóm và gắn kết con người. Có kỹ năng tự học, tìm tòi và sáng tạo, làm việc có kế hoạch và khoa học.	3
PLO13	Sử dụng tốt một số ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm thống kê trong kinh doanh, phần mềm chuyên dụng trong quản trị một số lĩnh	3

Mã chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng
	vực hoạt động của doanh nghiệp.	
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO14	Có ý thức công dân, chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị. Có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức của nhà quản trị doanh nghiệp, có tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc tích cực.	3
PLO15	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc. Chủ động, tích cực học tập, rèn luyện, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với thay đổi của yêu cầu công việc trong doanh nghiệp.	3

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (không tính 11 tín chỉ của 02 học phần: Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh)

- Cấu trúc của chương trình

	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
1	Kiến thức giáo dục đại cương và khoa học cơ bản	37	37	0	
2	Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	86	67	19	
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	32	32	0	
2.2	Kiến thức cốt lõi ngành	39	24	15	
2.3	Kiến thức bổ trợ	15	11	4	
3	Thực tập và trải nghiệm	13	13	0	
4	Nghiên cứu khoa học	11	11	0	
Tổng cộng		147	128	19	

- Đối tượng tuyển sinh

+ Tiêu chí tuyển sinh: căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề án tuyển sinh của Trường.

+ Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT của các môn trong tổ hợp xét tuyển; Xét tuyển kết quả học tập theo học bạ THPT; Xét tuyển điểm bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội; Xét tuyển thẳng theo phương án riêng.

+ Vùng tuyển sinh: cả nước

+ Đối tượng tuyển sinh: đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)

- Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng số	LT	TH/TN	
8.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ KHOA HỌC CƠ BẢN	37	32	5	<i>Mã học phần tiên quyết được đánh dấu sao (*)</i>
1	O.D.CT.0006.3	Triết học Mác- Lênin Marxist -Leninist philosophy	3	3	0	
2	O.D.CT.0007.2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Marxist -Leninist politics and economics	2	2	0	O.D.CT.0006.3
3	O.D.CT.0008.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific socialism	2	2	0	O.D.CT.0007.2
4	O.D.CT.0002.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh's Ideology	2	2	0	O.D.CT.0006.3
5	O.D.CT.0009.2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam The history of the Vietnamese communist party	2	2	0	O.D.CT.0002.2
6	O.D.CT.0004.2	Pháp luật Law	2	2	0	
7	O.D.NN.0000.5	Tiếng Anh cơ bản General English	5	4	1	Đạt tiếng Anh trình độ A1
8	O.D.TH.0401.4	Tin học đại cương General informatics	4	2	2	
9	O.D.CT.0005.3	Giáo dục thể chất Physical Education	3	1	2	
10	O.D.QP.0000.8	Giáo dục quốc phòng - An ninh National Defense and Security Education	8	8	0	
11	O.D.CB.1400.2	Toán cao cấp Economic Mathematics	2	2	0	
12	O.D.CB.0408.2	Toán xác suất và thống kê Probability and statistics	2	2	0	O.D.CB.1400.2
8.2		KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH	86	62	24	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng số	LT	TH/ TN	
		Basic Professional and Core knowledge				
8.2.1		Kiến thức cơ sở ngành Basic Professional Knowledge	32	27	5	
13	O.D.QT.1000.3	Kinh tế vi mô Microeconomics	3	2	1	
14	O.D.QT.1001.2	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	2	2	0	O.D.QT.1000.3
15	O.D.QT.0400.3	Quản trị học Administration Science	3	3	0	
16	O.D.KT.1400.2	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ The theory of Money and Finance	2	2	0	
17	O.D.KT.0403.3	Nguyên lý kế toán Accounting Theory	3	2	1	O.D.KT.1400.2
18	O.D.QT.0401.3	Marketing căn bản Principles of Marketing	3	2	1	
19	O.D.CB.0409.2	Toán kinh tế Economic Mathematics	2	2	0	O.D.CB.1400.2
20	O.D.CB.0410.2	Kinh tế lượng Econometrics	2	2	0	O.D.CB.0409.2
21	O.D.KT.0405.2	Kinh tế quốc tế International economics	2	2	0	O.D.QT.1001.2
22	O.D.QT.0422.2	Kinh tế môi trường Environmental economics	2	2	0	O.D.QT.1001.2
23	O.D.QT.0424.3	Thống kê kinh doanh Business Statistics	3	2	1	O.D.CB.0408.2
24	O.D.CT.0400.3	Pháp luật kinh tế Economic law	3	2	1	O.D.CT.0004.2
25	O.D.QT.0409.2	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	2	2	0	O.D.QT.0400.3
8.2.2		Kiến thức cốt lõi ngành Core knowledge	39	24	15	
8.2.2.1		Học phần bắt buộc Compulsory Modules	27	16	11	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng số	LT	TH/ TN	
26	O.D.QT.0411.3	Quản trị nhân lực Human Resource Management	3	2	1	O.D.QT.0400.3
27	O.D.QT.0429.3	Ứng dụng ERP trong quản trị doanh nghiệp ERP application in Enterprise Management	3	0	3	O.D.QT.0409.2
28	O.D.QT.1400.3	Quản trị sản xuất và tác nghiệp Production and operations Management	3	2	1	O.D.QT.0400.3
29	O.D.QT.1401.3	Quản lý chất lượng Quality Management	3	2	1	O.D.QT.0400.3
30	O.D.QT.0412.3	Quản trị tài chính doanh nghiệp Business Financial Management	3	2	1	O.D.KT.1400.2
31	O.D.QT.0408.3	Quản trị chiến lược Strategy Management	3	2	1	O.D.QT.0400.3
32	O.D.QT.1402.3	Khởi sự kinh doanh Starting a business	3	2	1	O.D.QT.0401.3 O.D.QT.0424.3
33	O.D.QT.1403.3	Lập và phân tích dự án đầu tư Making Plans and Analysing Projects	3	2	1	O.D.QT.1412.4
34	O.D.QT.1404.3	Quản trị đổi mới sáng tạo Innovation Management	3	2	1	O.D.QT.0400.3
8.2.2.2		<i>Học phần tự chọn (chọn 4 học phần trong 8 học phần tương ứng 12 tín chỉ) Optional modules</i>	12	8	4	
35	O.D.KT.1110.3	Quản trị rủi ro Risk Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4
36	O.D.QT.0440.3	Quản trị chuỗi cung ứng Supply chain Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4
37	O.D.QT.0434.3	Quản trị logistics Logistics Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4
38	O.D.QT.1014.3	Quản trị bán hàng Sales Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng số	LT	TH/ TN	
39	O.D.QT.0410.3	Quản trị mua hàng Purchasing Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4
40	O.D.QT.1405.3	Quản trị doanh nghiệp Enterprise Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4
41	O.D.QT.1025.3	Quản trị marketing Marketing Management	3	2	1	O.D.QT.1412.4
42	O.D.QT.1406.3	Phân tích hoạt động kinh doanh Analysis of Business Activities	3	2	1	O.D.QT.1412.4
8.2.3		Kiến thức bổ trợ Supplementary Knowledge	15			
8.2.3.1		<i>Học phần bắt buộc</i> <i>Compulsory modules</i>	11	7	4	
43	O.D.KT.0417.3	Thương mại điện tử E-Commerce	3	2	1	
44	O.D.QT.1407.3	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh Business communication and negotiation	3	2	1	
45	O.D.TH.1400.5	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh English for Business Administration	5	3	2	D.NN.0000.5*
		<i>Học phần tự chọn</i> <i>(chọn 2 trong 7 học</i> <i>phần, tổng số tín tự</i> <i>chọn là 4 tín chỉ)</i> <i>Optional modules</i>	4			
46	O.D.QT.0103.2	Văn hóa doanh nghiệp Corporate Culture	2	2	0	O.D.QT.1412.4
47	O. D.KT.0404.2	Kế toán quản trị Management Accounting	2	1	1	O.D.KT.0403.3
48	O.D.QT.1408.2	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định kinh doanh Problem solving and business decision making skills	2	2	0	O.D.QT.1412.4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ			Mã học phần tiên quyết/học trước
			Tổng số	LT	TH/ TN	
49	O.D.QT.1409.2	Kỹ năng lãnh đạo Leadership skills	2	2	0	O.D.QT.1412.4
50	O.D.QT.1410.2	Kỹ năng bán hàng hiện đại Modern sales skills	2	2	0	O.D.QT.1412.4
51	O.D.QT.1026.2	Quản trị thương hiệu Brand Management	2	2	0	O.D.QT.0401.3 O.D.QT.1412.4
52	O.D.QT.1411.2	Quản trị hành chính văn phòng Office Management	2	2	0	O.D.QT.0400.3
8.3		THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM	13	0	13	
53	O.D.QT.1412.4	Thực tập nghề nghiệp Professional practice	4	0	4	O.D.QT.0424.3
54	O.D.QT.1413.3	Thực hành lập kế hoạch kinh doanh Execution of business plan	3	0	3	O.D.QT.1412.4
55	O.D.QT.1414.6	Thực tập cuối khóa Professional Internship	6	0	6	O.D.QT.1412.4
8.4		NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SCIENTIFIC RESEARCH	11	2	9	
56	O.D.KT.0406.2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Research Methods in Business	2	2	0	Không
57	O.D.QT.1415.9	Khóa luận tốt nghiệp Dissertation	9	0	9	O.D.QT.1414.6
		<i>Học phần tự chọn thay thế khóa luận ngành QTKD (chọn 3 trong 5 học tổng số tín chỉ >=9)</i>	9			
58	O.D.KT.0415.3	Thuế Taxes	3	2	1	O.D.QT.1412.4
59	O.D.KT.0407.3	Bảo hiểm Insurance	3	2	1	O.D.QT.1412.4
60	O.D.KT.0414.3	Thị trường chứng khoán Stock Market	3	2	1	O.D.QT.1412.4
61	O.D.QT.0430.3	Quản trị công nghệ Technological Management	3	3	0	O.D.QT.1412.4
62	O.D.QT.1416.3	Tin học ứng dụng trong	3	0	3	O.D.TH.0401.4

TT	Tên học phần	Tín chỉ	Học kỳ								Khoa giảng dạy
			1	2	3	4	5	6	7	8	
			2 0	1 8	2 1	1 9	1 9	1 9	1 6	1 5	
15	Quản trị học	3	3								KT
16	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2		2							KT
17	Nguyên lý kế toán	3			3						KT
18	Marketing căn bản	3			3						KT
19	Toán kinh tế	2			2						KHCB
20	Kinh tế lượng	2						2			KHCB
21	Kinh tế quốc tế	2					2				KT
22	Kinh tế môi trường	2				2					KT
23	Thống kê kinh doanh	3			3						KT
24	Pháp luật kinh tế	3				3					KHCB
25	Hệ thống thông tin quản lý	2						2			KT
26	Quản trị nhân lực	3				3					KT
27	Ứng dụng ERP trong quản trị doanh nghiệp	3							3		KT
28	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3						3			KT
29	Quản lý chất lượng	3						3			KT
30	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3			3						KT
31	Quản trị chiến lược	3				3					KT
32	Khởi sự kinh doanh	3						3			KT
33	Lập và phân tích dự án đầu tư	3						3			KT
34	Quản trị đổi mới sáng tạo	3						3			KT
35	Tự chọn 1 của nhóm kiến thức cốt lõi ngành	3						3			KT
36	Tự chọn 2 của nhóm kiến thức cốt lõi ngành	3						3			KT
37	Tự chọn 3 của nhóm kiến thức cốt lõi ngành	3						3			KT
38	Tự chọn 4 của nhóm kiến thức cốt lõi ngành	3							3		KT
39	Thương mại điện tử	3						3			KT
40	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	3							3		KT
41	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	5						5			THNN
42	Tự chọn 1 của nhóm kiến thức bổ trợ	2				2					KT

TT	Tên học phần	Tín chỉ	Học kỳ								Khoa giảng dạy
			1	2	3	4	5	6	7	8	
			2 0	1 8	2 1	1 9	1 9	1 9	1 6	1 5	
43	Tự chọn 2 của nhóm kiến thức bổ trợ	2							2		KT
44	Thực tập nghề nghiệp	4				4					KT
45	Thực hành lập kế hoạch kinh doanh	3							3		KT
46	Thực tập cuối khóa	6								6	KT
47	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2				2					KT
48	Khóa luận tốt nghiệp	9								9	KT
49	Học phần thay thế khóa luận ngành Quản trị kinh doanh (chọn 3 trong 5 học phần tương ứng với 9 tín chỉ: Thuế, Bảo hiểm, Thị trường chứng khoán; Quản trị công nghệ và Tin học ứng dụng trong quản trị kinh doanh)									9	KT

Kèm theo đề án là CTĐT đã được ban hành.

4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học phục vụ ngành đào tạo

+ Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên luôn được quan tâm ưu tiên hàng đầu, Nhà trường rất chú trọng tới việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ giảng viên, với đội ngũ bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện CTĐT QTKD, cụ thể có 54 giảng viên chi tiết như sau:

+ Đội ngũ giảng viên cơ hữu với tổng số 54 giảng viên tham gia giảng dạy chuyên ngành QTKD, trong đó có 08 giảng viên có trình độ tiến sĩ (bao gồm cả giảng viên chủ trì xây dựng CTĐT) đáp ứng đúng chuyên môn và đủ số lượng để chủ trì giảng dạy các thành phần của CTĐT và 46 giảng viên có trình độ thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ chuyên môn đảm bảo đủ điều kiện theo quy định về mở ngành đào tạo và giảng dạy theo quy định. Chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình QTKD được thể hiện tại biểu 1 của phụ lục đề án.

5. Cơ sở vật chất phục vụ ngành đào tạo

- *Đánh giá tổng quan về cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo của ngành QTKD, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy*

định của chuẩn CTĐT của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo.

+ Cơ sở vật chất: Trường có 1 phòng họp trên 120 chỗ; 8 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 01 phòng học đa phương tiện; 01 phòng làm việc của giảng viên toàn thời gian; 01 trung tâm thông tin thư viện; 03 phòng thực hành, thí nghiệm và các thiết bị đi kèm phục vụ cho nhu cầu đào tạo của ngành QTKD.

+ Thiết bị: tất cả các phòng học và Hội trường đều có bàn ghế, bảng viết, máy chiếu hoặc tivi cỡ lớn có kết nối âm thanh từ máy tính cá nhân để phục vụ cho việc tổ chức sự kiện hoặc giảng dạy các học phần; phòng học thực hành có sẵn máy tính, kết nối internet và cài đặt phần mềm theo yêu cầu của từng học phần.

+ Thư viện của trường có diện tích 775m², trong đó bao gồm: 04 phòng đọc; 02 phòng thư viện điện tử với 111 máy tính tại thư viện điện tử kết nối với 87 đơn vị ngoài trường, phục vụ cho khoảng 2.000 lượt tra cứu bình quân hàng tháng; có các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn và tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, đề cương bài giảng của các học phần; có tạp chí, chuyên khảo trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập của các học phần trong CTĐT ngành QTKD. Hiện tại, Trường đã có hệ thống tài khoản bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước, quốc tế về sách, tạp chí khoa học ngành QTKD tại trang web: tailieu.vn.

+ Giáo trình: tất cả các học phần trong CTĐT đều có giáo trình hoặc tài liệu nội bộ phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, sinh viên ngành QTKD

Cơ sở vật chất của Trường hiện tại đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo của ngành QTKD đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định.

Quy mô tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh trong các năm tới như sau:

TT	Năm học	Quy mô tuyển sinh (chỉ tiêu)	Ghi chú
1	2024-2025	60	
2	2025-2026	90	
3	2026-2027	150	
4	2027-2028	150	
5	2028-2029	200	

- *Đánh giá tổng quan về hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo.*

+ Phòng học: phòng học trên 200 chỗ ngồi với diện tích sàn 500m² có thể đáp ứng cho việc tổ chức hoạt động giảng dạy tập trung các học phần đại cương; 01 phòng học từ 100-200 chỗ, 04 phòng học 50-100 chỗ và 04 phòng học dưới 50 chỗ đủ để bố trí giảng dạy các học phần; 01 phòng học đa phương tiện, có kết nối internet phục vụ cho các học phần tiếng Anh, tin học hoặc các học phần chuyên môn ngành QTKD.

+ Phòng thực hành, thí nghiệm: có 03 phòng với diện tích 225m², phòng thực hành máy tính có đầy đủ máy tính cài đặt sẵn phần mềm phục vụ giảng dạy, nghiên cứu của các học phần liên quan.

+ Hệ thống công nghệ thông tin: ngoài hệ thống mạng dây còn có mạng wifi phủ kín khu vực giảng đường, các phòng thực hành và khu ký túc xá của sinh viên; Trường có website riêng và 1 phòng máy chủ phục vụ việc cài đặt, sử dụng các phần mềm trực tuyến phục vụ công tác quản lý và giảng dạy.

+ Hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo: Trường đã triển khai hệ thống quản trị trên nền tảng số nhằm quản lý hỗ trợ hoạt động quản lý đào tạo, hỗ trợ học tập cho sinh viên với nhiều tiện ích thiết thực.

Hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của CTĐT ngành QTKD phù hợp với quy mô đào tạo.

- Kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của CTĐT cho từng năm học của khóa học.

Với hệ thống phòng học lý thuyết, thực hành lớn nên Trường bố trí đủ phòng thực hành, giảng đường lý thuyết theo số lượng sinh viên ngành QTKD cho tất cả các học kỳ, theo yêu cầu của CTĐT từng năm học, của từng khóa học. Các học phần đại cương được bố trí tại hội trường trên 200 chỗ với diện tích sàn 500m², 8 phòng học lý thuyết có sức chứa 50-100 chỗ

Riêng phòng thực hành có cài đặt các phần mềm trực tuyến phục vụ cho việc giảng dạy ngành QTKD được bố trí đủ 30 máy trạm cho sinh viên và 1 máy tính dành cho giảng viên có thể điều khiển và kiểm soát máy trạm bằng phần mềm chuyên dụng.

- Đánh giá khả năng đáp ứng các yêu cầu, điều kiện tối thiểu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định.

Trường được cấp gói A1 hoàn toàn miễn phí từ nhà cung cấp Microsoft, từ đó đã tạo tài khoản và cấp cho tất cả giảng viên, sinh viên Trường có thể sử dụng

và khai thác ứng dụng giảng dạy trực tuyến bằng phần mềm MS Teams. Đồng thời với kế hoạch xây dựng bài giảng trực tuyến bằng Elearning đến năm 2025 cùng với tốc độ đường truyền internet 300MBs, số lượng thiết bị sử dụng, Trường có thể chuyển sang dạy học trực tuyến một phần đảm bảo không quá 30% thời lượng của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành.

- Tổng hợp số lượng (kèm danh sách) các đối tác đã ký hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học.

Trường đã ký thỏa thuận hợp tác với 17 đối tác bên ngoài trong việc phối hợp các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thực hành, thực tập, tư vấn và giới thiệu việc làm cho sinh viên ngành QTKD; đây là các doanh nghiệp thực hiện việc giao dịch điện tử một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh. Thời gian thực hiện theo kế hoạch giảng dạy, học tập và nghiên cứu của từng khóa học trên cơ sở trao đổi giữa 2 bên trong từng thời điểm cụ thể.

TT	Đơn vị	Tỉnh/TP	Số thỏa thuận	Thời hạn
1	Tổng công ty cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đà Nẵng	Số 782/2023/TTHT ngày 17/5/2023	2 năm
2	Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	Thái Nguyên	Số 1523/2015/TTHT ngày 23/10/2015	Lâu dài
3	Tổng Công ty may Hưng Yên – CTCP	Hưng Yên	Số 332/2018/TTHT ngày 02/4/2018	Lâu dài
4	Tổng công ty Đức Giang – CTCP	Hà Nội	Số 337/2018/TTHT ngày 02/4/2018	Lâu dài
5	Tổng Công ty cổ phần dệt may Hà Nội	Hà Nội	Số 398A/2018/TTHT ngày 24/4/2018	Lâu dài
6	Công ty TNHH Regina Miracle International Việt Nam	Hải Phòng	12/2018 ngày 18/12/2018	Lâu dài
7	CTCP - Tổng Công ty may Bắc Giang LGG	Bắc Giang	Số 467/2019/TTHT ngày 19/4/2019	Lâu dài
8	Công ty TNHH Youngone Bắc Giang	Bắc Giang	Số 468A/2019/TTHT ngày 19/4/2019	Lâu dài
9	Công ty TNHH P.I.T VINA	Hải Phòng	Số 468/2019/TTHT ngày 19/4/2019	Lâu dài
10	Công ty Cổ phần tập đoàn DNF	Hà Nội	Số 900/2022/TTHT ngày 02/6/2022	2 năm
11	Công ty Cổ phần Đầu tư và quốc tế Thagaco	Thái Nguyên	Số 08/2022/TTHT ngày 02/6/2022	2 năm
12	Công ty TNHH Dệt nhuộm JaSan	Trung Quốc	Số 901/2022/TTHT ngày 02/6/2022	2 năm

TT	Đơn vị	Tỉnh/TP	Số thỏa thuận	Thời hạn
13	Công ty TNHH May Đại hướng	Hung Yên	Số ĐH-0501/2023/TTHT ngày 15/5/2023	2 năm
14	Viện Kinh tế - Tài chính, Học viện Tài chính	Việt Nam	TTHT ngày 8/3/2024	Lâu dài
15	Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội và Trường Đào tạo các ngành Công nghiệp Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	TTHT ngày 09/8/2019	5 năm
16	Viện quản lý khoa học quốc tế Kolkata - Ấn độ	Ấn Độ	TTHT ngày 23/10/2019	5 năm

- Đường link trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật: <http://hict.edu.vn/bao-cao-3-cong-khai.htm>

6. Đơn vị quản lý ngành đào tạo

- Đơn vị quản lý ngành đào tạo QTKD: Khoa Kinh tế.
- Cán bộ quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn được thể hiện chi tiết ở biểu 3 của phụ lục đề án.

7. Phương án xử lý rủi ro đối với ngành đào tạo

7.1. Dự kiến rủi ro trong mở ngành và tổ chức đào tạo ngành QTKD trình độ đại học

Ngành QTKD có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, đây là yếu tố góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc cung cấp đội ngũ lao động có chất lượng cao cho nền kinh tế. Chính vì vậy, cơ hội việc làm và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực này đang mở ra tiềm năng lớn cho ứng viên cũng như các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc mở ngành và tổ chức đào tạo ngành QTKD tại HTU gặp một số rủi ro sau:

Thứ nhất, rủi ro về số lượng đăng ký tuyển sinh và nhập học

Thứ hai, rủi ro về việc nhà trường bị đình chỉ hoạt động đào tạo ngành QTKD do vi phạm các quy định có liên quan về tự chủ mở ngành.

7.2. Phương án, giải pháp xử lý rủi ro

Từ việc phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường và dự báo cáo rủi ro có thể xảy ra khi mở mã ngành và triển khai đào tạo ngành QTKD, bộ môn QTKD đề xuất các phương án, giải pháp như sau:

- Giải pháp đảm bảo tuyển sinh:

+ Xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của khoa kinh tế, HTU trên tất cả các kênh truyền thông, các đối tác và doanh nghiệp.

+ Xây dựng kịch bản truyền thông một cách bài bản và đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tư vấn tuyển sinh.

+ Liên kết với các trường THPT từ Hà Tĩnh trở ra và các doanh nghiệp uy tín trên địa bàn các tỉnh làm công tác tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp.

+ Tổ chức các buổi trải nghiệm cho học sinh THPT

+ Xây dựng các chính sách về học bổng, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hỗ trợ sinh viên thực tế, thực tập.

- Giải pháp về nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên: Tiếp tục thực hiện hỗ trợ giảng viên học tập nâng cao trình độ, cử giảng viên tiếp cận thực tiễn quá trình QTKD; cải tiến chính sách tuyển dụng giảng viên; tăng cường hỗ trợ giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Tăng cường liên kết với các trường cùng đào tạo ngành QTKD để liên kết đào tạo, giao lưu các câu lạc bộ

- Thực hiện đầy đủ các quy định về mở ngành, xây dựng và thẩm định CTĐT.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học. Tăng cường đào tạo ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Trung) cho sinh viên ngành QTKD.

- Tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, sân chơi khởi nghiệp cho sinh viên. Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp cho sinh viên.

- Định kỳ 2 năm tổ chức lấy ý kiến, chỉnh sửa và cải tiến CTĐT.

- Tổ chức tự đánh giá CTĐT ngành QTKD và xây dựng, thực hiện các kế hoạch hành động khắc phục và phòng ngừa.

- Tăng cường, kiểm tra giám sát tổ chức thực hiện CTĐT; quản lý CTĐT, quản lý việc xây dựng, thẩm định giáo trình, tài liệu học tập.

- Xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp, khuyến khích phương án xét tuyển theo tiêu chí riêng của trường.

- Giám sát việc thực hiện nề nếp giảng dạy

- Tăng cường số hóa các tài liệu giảng dạy, bài giảng điện tử cho đào tạo ngành QTKD.

- Xây dựng quy định phát hiện, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực trong đào tạo.

- Tăng cường kết nối, phục vụ cộng đồng.

- Phát triển mạng lưới các cựu sinh viên, tăng cường hỗ trợ nhà trường, khoa và các sinh viên ngành QTKD.

Trong trường hợp ngành đào tạo bị đình chỉ hoạt động, các giải pháp cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở vật chất và các bên liên quan như sau:

TT	Đối tượng	Giải pháp
1	Người học	Phương án 1: Người học được xem xét chuyển ngành đào tạo (điều kiện trúng tuyển tương đương) theo quy định của trường
		Phương án 2: Thương lượng, hợp tác với các trường đại học có đào tạo ngành QTKD để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên
2	Giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp giảng viên tham gia giảng dạy ở các học phần phù hợp với chuyên môn của các ngành đào tạo khác trong trường. - Tổ chức bồi dưỡng, phát triển giảng viên để giảng viên có thể chuyển sang giảng dạy các học phần của các chương trình đào tạo liên quan như marketing, thương mại điện tử. - Sắp xếp, thỏa thuận với giảng viên để thực hiện luân chuyển công việc thỏa mãn các điều kiện của Luật lao động, luật viên chức; thỏa ước lao động tập thể
3	Cơ sở đào tạo và các bên liên quan	Tiến hành soát xét, xác định các nội dung chưa phù hợp. Tiến hành phân tích, đánh giá và tìm biện pháp khắc phục (theo từng trường hợp) để được cho phép hoạt động đào tạo trở lại.

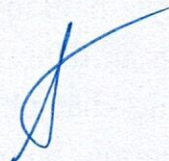
Trên đây là đề xuất mở ngành đào tạo QTKD trình độ đại học của khoa Kinh tế. Kính đề nghị hội đồng khoa học và đào tạo, ban giám hiệu xem xét.

Nơi nhận:

- BGH;
- HĐ KH&ĐT;
- Lưu: VT, KT.

TRƯỜNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



Dương Thị Tân